

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ THÀNH CÔNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG INTERNATIONAL INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH CONG INTERNATIONAL INVESTMENT AND TRADING., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108482623

3. Ngày thành lập: 22/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 701, tầng 7 Toà nhà văn phòng Nhật An, Số 30D Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
4.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
6.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
11.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa;	4610
14.	Bán buôn thực phẩm	4632

15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
17.	Xây dựng công trình điện	4221
18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27.	Khai thác và thu gom than non	0520
28.	Xây dựng nhà không để ở	4102
29.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
34.	Phá dỡ	4311
35.	Tái chế phế liệu	3830
36.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
38.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39.	Khai thác quặng sắt	0710
40.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
41.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
42.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
43.	Quảng cáo	7310
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
48.	Đại lý du lịch	7911
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

51.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
54.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
55.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học, giáo dục	8560
56.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
57.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
58.	Khai thác muối	0893
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
62.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
63.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
64.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
65.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
70.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
76.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
79.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
80.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
81.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	6820
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Lập trình máy vi tính	6201

84.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.	7110
85.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
86.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
87.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
88.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
90.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
91.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
92.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
93.	Thu gom rác thải độc hại	3812
94.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
95.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
96.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
97.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
98.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
99.	Bán buôn đồ uống	4633
100.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
101.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
102.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
104.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
105.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
108.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

109.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
110.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
111.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
112.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỒ VĂN THÀNH	P909, CT6 Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	396.000	3.960.000.000	40,000	038085003543	
			Cổ phần phổ thông	396.000	3.960.000.000	40,000		
2	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Số 1 ngách 178/3 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	50,000	013450557	
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	50,000		
3	VÕ THỊ HUYỀN	Số 8 ngách 9/114 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	10,000	017000411	
			Tổng số	99.000	990.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 22/10/2018 đến ngày 21/11/2018

* Họ và tên: HỒ VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/12/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085003543

Ngày cấp: 26/10/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P909, CT6 Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P909, CT6 Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội